

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Kế toán

(Ban hành theo Quyết định số 738/QĐ-TĐHHT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Điều kiện tiên quyết	Mức đào tạo
			LT	BT /TH	Tự học		
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 28 TC (Không kể GDTC và GDQP-AN)							
7.1.1. Lý luận chính trị		13					
11140165	Triết học Mác - Lênin	3	30	15	90		1
11140474	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	9	60	11140165	1
11140753	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9		11140165 11140474	2
11140209	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	60		2
11140721	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	9	60		1
30432001	Pháp luật đại cương	2	21	9	60		1
7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn		3					
Học phần bắt buộc		3					
31012123	Phát triển kỹ năng (NCKH, KN mềm, KN học tập, KN tìm kiếm việc làm...)	3	30	15	90		2
7.1.3. Ngôn ngữ (chọn 2 học phần)		6					
30321001	Tiếng Anh 1	3	29	6	90		1
30322013	Tiếng Việt nâng cao	3	30	15	90		
30713022	Tiếng Việt chuyên ngành Kinh tế	3	30	15	90	30322013	1
30321002	Tiếng Anh 2	3	29	6	90	30321001	
7.1.4. Khoa học tự nhiên		6					
Học phần bắt buộc		6					
30511001	Tin học đại cương	3	30	30*	75		1
Học phần tự chọn (Chọn 3 TC)		3	2	1			
30111050	Toán cao cấp	3	30	15	90		1
30112051	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30	15	90		
30111052	Mô hình toán kinh tế	3	30	15	90		
7.1.5. Giáo dục thể chất		3*					
30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	0	30*	30		1
30991112	Giáo dục thể chất 2	1*	0	30*	30		1

30991113	Giáo dục thể chất 3	1*	0	30*	30		1
7. 1.6. Giáo dục quốc phòng		8					
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0	90		1
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	60		1
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3*	0	90*	45		1
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		93					
7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành		15					
30711001	Kinh tế Vi mô	3	30	15	90		1
30711002	Kinh tế Vĩ mô	3	30	15	90	30711001	1
30722001	Nguyên lý kế toán	3	30	15	90		1
30712007	Quản trị học	3	30	15	90		1
30722002	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	30	15	90		1
7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành		51					
Học phần bắt buộc		30					
30722007	Kế toán tài chính 1	3	30	15	90	30722001	2
30724018	Kế toán tài chính 2	3	30	15	90	30722007	2
30724019	Kế toán tài chính 3	3	30	15	90	30724018	2
30722004	Kiểm toán căn bản	3	30	15	90		2
30722003	Thuế	3	30	15	90	30722002	2
30722006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	30	15	90	30722002	2
30724021	Kế toán máy	3	30	15	90	30724018	2
30724020	Kiểm toán tài chính	3	30	15	90	30724018	2
30722008	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30	15	90	30722001	2
30724022	Kế toán quản trị	3	30	15	90	30722001	2
Học phần tự (Chọn 21 TC)		21					
30712008	Kinh tế lượng	3	30	15	90	30111050	3
30712006	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	15	90		
30724033	Định giá tài sản	3	30	15	90	30722006	2
30434002	Luật kinh tế	3	30	15	90		
30724028	Tài chính quốc tế	3	30	15	90	30722002	1
30711003	Kinh tế phát triển	3	30	15	90		
30711004	Kinh tế môi trường	3	30	15	90		1
30711005	Marketing căn bản	3	30	15	90		
30713011	Văn hóa kinh doanh	3	30	15	90	30712007	1

30724023	Thực hành kế toán tài chính 1	3	30	15	90	30724019	2
30724026	Tổ chức hạch toán kế toán	3	30	15	90	30724019	
30724024	Thực hành kế toán tài chính 2	3	30	15	90	30724021	2
30724025	Hệ thống thông tin kế toán	3	30	15	90	30722001	
30724027	Kiểm toán hoạt động	3	30	15	90	30722004	2
30723010	Kế toán công ty	3	30	15	90	30722001	
7.2.3. Thực tập, học nghề hoặc học thuật		27					
<i>Sinh viên tích lũy đủ 27 TC tự chọn sau đây</i>							
- Hình thức 1: Thực tập 1 năm tại cơ sở thực tập		27					
+ Thực tập 1 và báo cáo thu hoạch thực tập hoặc 3 học phần từ CT học thuật		9	0	135	135		3
+ Thực tập 2 và báo cáo thu hoạch thực tập hoặc 3 học phần từ CT học thuật		9	0	135	135		3
+ Thực tập tốt nghiệp và báo cáo thu hoạch Thực tập hoặc 3 học phần từ CT học thuật		9	0	135	135		3
- Hình thức 2: Học nghề 1 năm tại trường nghề		27					
<i>Sinh viên hoàn thành 27 TC của trường nghề hoặc 27 TC theo chương trình học thuật</i>		27					3
- Hình thức 3: Chương trình học thuật		27					
+ 6 học phần chuyên sâu		18					
30724029	Tài chính doanh nghiệp 2	3	30	15	90	30722006	3
30723011	Kế toán doanh nghiệp TM&DV	3	30	15	90	30722001	3
30723012	Chuẩn mực kế toán quốc tế	3	30	15	90	30722001	3
30724032	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	30	15	90	30722006	3
30724027	Kế toán ngân hàng	3	30	15	90	30722001	3
30323009	Tiếng Anh kinh tế 1	3	30	15	90		3
+ Thực tập tốt nghiệp		3	0	3		30722007	3
+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2/6 học phần thay thế		6					
30433003	Soạn thảo văn bản	3	30	15	90		3
30722009	Thị trường CK & PTĐTCK	3	30	15	90	30722006	
30714021	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	30	15	90	30722006	
30724035	Toán tài chính	3	30	15	90	30722002	
30722005	Nghị vụ Ngân hàng thương mại 1	3	30	15	90	30722002	
30323010	Tiếng Anh kinh tế 2	3	30	15	90	30323009	
Tổng khối lượng toàn khóa		121					

Ghi chú: Mức độ 1 dạy ở kỳ: 1, 2, 3; mức độ 2 dạy ở kỳ: 4, 5, 6; mức độ 3 dạy ở kỳ: 7, 8.